

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 11 – 2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Phan Châu Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Diệp Long Q, sinh năm 1983; cư trú tại Ấp 8, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Kim Mỹ H1, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp 8, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay Ấp 6, xã H2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn anh Nguyễn Diệp Long Q trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở mai mối, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Nguyễn Kim Mỹ H1 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 09/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, đồng thời chị H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc

dù, mẫu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nên anh Q và chị H1 sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị H1.

Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Anh và chị H1 có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Diệp Ngọc A1, sinh ngày 12/12/2011 và Nguyễn Diệp Ngọc H2, sinh ngày 21/7/2014 hiện đều do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con phù hợp với nguyện vọng của con, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khu vực nơi anh cư trú đang thực hiện giãn cách, phong tỏa để phòng chống dịch bệnh Covid – 19 nên việc đi lại khó khăn. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 31 tháng 10 năm 2021, bị đơn chị Nguyễn Kim Mỹ H1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị đồng ý giao cháu A1 và cháu H2 cho anh Q được trực tiếp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang làm việc tại A2, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng không thể về tham dự phiên tòa được. Nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, lời trình bày của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử công bố, xem xét tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định và phân tích như trong Bản phát biểu. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết:

Về tố tụng: Xét xử vắng mặt anh Q, chị H1 theo thủ tục chung.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị H1.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Giao cháu A1 và cháu H2 cho anh Q được trực tiếp dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh Q không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con. Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Q, chị H1 mỗi người chịu án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 đồng. Xét anh Q là người khuyết tật, có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên miễn cho anh Q không phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng. Hoàn trả cho anh Q được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Anh Q, chị H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị H1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh Q và chị H1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng chính kiến trong cuộc sống, chị H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Anh Q, chị H1 có thời gian dài sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay không trở về đoàn tụ; anh chị cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với nhau. Như vậy, đủ cơ sở kết luận đời sống chung giữa anh Q và chị H1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị H1.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Anh Q và chị H1 có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Diệp Ngọc A1, sinh ngày 12

tháng 12 năm 2011 đã trên 09 tuổi và cháu Nguyễn Diệp Ngọc H2, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014 đã trên 07 tuổi. Hiện các cháu do anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng và cùng có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn muốn được tiếp tục sống chung với anh Q. Chị H1 đồng ý giao cháu Ánh, cháu H2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu A1, cháu H2 cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; ghi nhận ý kiến của anh Q không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con; chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các đoạn [1], [2] “Về tố tụng” và các đoạn [1], [2], [3] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, đề nghị của Viện kiểm sát, giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Xét anh Q và chị H1 thuận tình ly hôn; anh Q là người khuyết tật được Ủy ban nhân dân xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long cấp “Giấy xác nhận khuyết tật” ngày 27/4/2016 và có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ngày 03/11/2021. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết: Anh Q và chị H1 mỗi người phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng; miễn cho anh Q không phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng, hoàn trả cho anh Q được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Diệp Long Q và chị Nguyễn Kim Mỹ H1.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Diệp Ngọc A1, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2011 và cháu Nguyễn Diệp Ngọc H2, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014 cho anh Nguyễn Diệp Long Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Diệp Long Q không yêu cầu chị Nguyễn Kim Mỹ H1 phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Nguyễn Kim Mỹ H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Miễn cho anh Nguyễn Diệp Long Q không phải nộp án phí ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Hoàn trả cho anh Q được nhận lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0010901 ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4.2. Buộc chị Nguyễn Kim Mỹ H1 nộp án phí ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Diệp Long Q, bị đơn chị Nguyễn Kim Mỹ H1. Báo cho anh Q và chị H1 vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L1, huyện L2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân